| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

Bản án số: **05/2018/HSST**
Ngày: **12/4/2018**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Chiến**
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà: **Nguyễn Thị Tư**
2. Ông: **Vũ Quang Hưng**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang*** *tham gia phiên tòa*: Ông **Trần Chí Thức** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 05/2018/ HSST ngày 28 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/ HSST-QĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn Đ1 -** sinh năm 1968
Nơi ĐKTT: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang
Chỗ ở: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.
Số CMND: 371096864, cấp ngày 11/7/2002, nơi cấp: Tỉnh Kiên Giang.
Nghề nghiệp: Làm thuê - Trình độ văn hóa: 2/12 - Dân tộc: Kinh. Con ông Nguyễn Văn Đ, 1935, bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1945. Vợ Trần Thị S, sinh năm 1971. ***Tiền án, tiền sự***: Không. Bị bắt tạm giữ: ngày 17/11/2017 đến ngày 12/01/2018 tại ngoại.

2. **Phạm Quốc C -** sinh năm 1979
Nơi ĐKTT: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang
Chỗ ở: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Số CMND: 371447892, cấp ngày 29/4/2016, nơi cấp: Tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm ruộng - Trình độ văn hóa: 6/12 - Dân tộc: Kinh. Con ông Phạm Văn S, sinh năm 1948 và bà Lê Thị N, sinh năm 1950. Vợ Lê Thị T, sinh năm 1981 (đã ly hôn). Con: Có 02 người con sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008. ***Tiền án, tiền sự***: Không. Bị bắt tạm giữ: ngày 17/11/2017, đến ngày 12/01/2018 tại ngoại.

3. **Phạm Thành Đ -** sinh năm 1971
Nơi ĐKTT: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Số CMND: 370578308, cấp ngày 21/8/2008, nơi cấp: Tỉnh

Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê - Trình độ văn hóa: 2/12 - Dân tộc: Kinh. Con ông Phạm Văn H (Chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947. Vợ Trần Thị N, sinh năm 1971. Con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1996. ***Tiền án, tiền sự***: Không. Bị bắt tạm giữ: ngày 17/11/2017 đến ngày 12/01/2018 tại ngoại.

4. **Huỳnh Văn C** - sinh năm 1972

Nơi ĐKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Số CMND: 371002624, cấp ngày 25/11/2016, nơi cấp: tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Tài xế - Trình độ văn hóa: 9/12 - Dân tộc: Kinh. Con ông Huỳnh Văn T (chết) và bà Trần Thị N (chết). Vợ Đinh Thị Diệp T, sinh năm 1971. Con: Có 01 người con sinh năm 2001. ***Tiền án, tiền sự***: Không. Bị bắt tạm giữ: ngày 17/11/2017 đến ngày 15/12/2017 tại ngoại.

5. **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1972

Nơi ĐKTT: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Số CMND: 370917982, cấp ngày 15/3/1998, nơi cấp: Tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm ruộng - Trình độ văn hóa: 2/12 - Dân tộc: Kinh. Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1935, bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1945. Vợ Lương Thị Ngọc H, sinh năm 1973. Con: Có 01 người con sinh năm 2006. ***Tiền án, tiền sự***: Không. Bị bắt tạm giữ: ngày 17/11/2017 đến ngày 01/12/2017 tại ngoại.

**6. Nguyễn Văn Đ2** - sinh năm 1988

Nơi ĐKTT: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Số CMND: 371395017, cấp ngày 12/10/2015, nơi cấp: Tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm ruộng - Trình độ văn hóa: 5/12 - Dân tộc: Kinh. Con ông Nguyễn Văn Đ, 1935, bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1945. ***Tiền án, tiền sự***: Không. Bị bắt tạm giữ: ngày 17/11/2017 đến ngày 07/12/2017 tại ngoại.

7. **Lê Trọng T** (T A) - sinh năm 1990

Nơi ĐKTT: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Số CMND: 370788901, cấp ngày 27/02/2015, nơi cấp: tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Hướng dẫn viên du lịch - Trình độ văn hóa: 12/12 - Dân tộc: Kinh. Con ông Lê Văn V, sinh năm 1964, bà Điền Thị Thanh H, sinh năm 1965. ***Tiền án, tiền sự***: Không. Bị bắt tạm giữ: ngày 17/11/2017 đến ngày 01/12/2017 tại ngoại.

8. **Nguyễn Chí H** - sinh năm 1980

Nơi ĐKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Số CMND: 370063858, cấp ngày 28/6/2013, nơi cấp: Tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm ruộng- Trình độ văn hóa: 5/12 - Dân tộc: Kinh. Con ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1954, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954. Vợ

Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2011. ***Tiền án, tiền sự***: Không. Bị bắt tạm giữ ngày 17/11/2017 đến ngày 01/12/2017 tại ngoại.

(Các bị cáo có mặt tại phiên toà)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 40 phút, ngày 16/11/2017 Công an huyện T, tỉnh Kiên Giang bắt quả tang tại nhà bà Trần Thị S – sinh năm 1971, cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang một chiếu bạc đang lắc tài xỉu ăn tiền, thu giữ tại chiếu bạc một tấm bạt có một bên màu xanh và một bên màu cam, một đĩa sành nhỏ màu trắng, một nắp nhựa màu đỏ có quấn băng keo đen bên ngoài, ba hột xí ngầu và tiền Việt Nam là 4.950.000đ (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Thu giữ trên người của 06 người bắt tại chiếu bạc gồm 04 điện thoại di động và tiền Việt Nam là 3.890.000 đồng (Ba triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng). Ngày 17/11/2017 Nguyễn Văn Đ1 (chồng bà Sương) đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Kiên Giang đầu thú về hành vi cho người khác vào nhà đánh bạc để lấy tiền xâu.

Trong quá trình điều tra các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

1. Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 thừa nhận cho người khác vào nhà đánh bạc (lắc tài xỉu ăn tiền) để lấy tiền xâu được 02 lần thì bị bắt quả tang, Lần đầu lấy tiền xâu vào ngày 15/11/2017 được 70.000đ; lần hai vào ngày 16/11/2017 cùng tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền, đến khi Công an bắt bị cáo Đ1 đi vệ sinh nên không bị bắt và cũng chưa lấy tiền xâu.

2. Bị cáo Phạm Quốc C thừa nhận tham gia đánh bạc, cầm cái lắc tài xỉu ăn tiền được 02 lần tại nhà bị cáo Nguyễn Văn Đ1. Bị cáo C mượn 2.000.000đ để đánh bạc, lắc tài xỉu ăn thua mỗi bàn khoảng 200.000đ, cầm cái lắc tài xỉu ăn tiền từ lúc khoảng 21 giờ đến khi bị bắt quả tang thua còn lại vài trăm ngàn, quăng bỏ tiền ở chiếu bạc bị Công an thu giữ.

3. Bị cáo Phạm Thành Đ thừa nhận tham gia đánh bạc đặt tài xỉu ăn tiền lần đầu tại nhà bị cáo Nguyễn Văn Đ1. Bị cáo Phạm Thành Đ có 100.000đ, trong đó bị cáo Đ1 hùn 50.000đ để đánh bạc, tham gia mới bàn đầu 50.000đ, chưa có kết quả ăn thua thì bị bắt. Số tiền còn lại 50.000đ bị Công an thu giữ.

4. Bị cáo Huỳnh Văn C nhận tham gia đánh bạc đặt tài xỉu ăn tiền lần đầu tại nhà bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Bị cáo Huỳnh Văn C mang theo 1.400.000đ cho bị cáo Nguyễn Văn T mượn 300.000đ, số tiền còn lại 1.100.000đ bị cáo vào đánh bạc, tham gia đặt mỗi bàn từ 50.000đ đến 300.000, đăt thua hết tiền, đang ngồi xem đánh bạc thì bị bắt.

5. Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận tham gia đánh bạc đặt tài xỉu ăn tiền được 02 lần tại nhà bị cáo Nguyễn Văn Đ1 thì bị bắt. Bị cáo Huỳnh Văn C mượn bị cáo Huỳnh Văn C 300.000đ để đánh bạc, tham gia đặt mỗi bàn từ 20.000đ đến 50.000đ, tham gia chơi từ khoảng 20 giờ đến khi bị bắt, số tiền đánh bạc còn lại vài trăm ngàn đồng bị cáo Nguyễn Văn T quăng bỏ tiền ở chiếu bạc bị Công an thu giữ.

6. Bị cáo Nguyễn Văn Đ2 thừa nhận tham gia đánh bạc đặt tài xỉu ăn tiền được 02 lần tại nhà bị cáo Nguyễn Văn Đ1. Bị cáo Đ2 mang theo 300.000đ để đánh bạc, tham gia đặt tài xỉu mỗi bàn là 50.000đ, đặt đến khi Công an bắt huề vốn. Số tiền mang theo 300.000đ để đánh bạc bị Công an thu giữ.

7. Bị cáo Lê Trọng T thừa nhận tham gia đánh bạc đặt tài xỉu ăn tiền lần đầu tại nhà bị cáo Nguyễn Văn Đ1. Bị cáo T mang theo 500.000đ để đánh bạc, tham gia đặt tài xỉu mỗi bàn từ 50.000đ đến 100.000đ, đặt ăn được 200.000đ thì bị Công an đến bắt, bị cáo bỏ chạy làm rớt hết tiền, Công an thu giữ lại được 500.000đ.

8. Bị cáo Nguyễn Chí H thừa nhận tham gia đánh bạc đặt tài xỉu ăn tiền 02 lần đầu tại nhà bị cáo Nguyễn Văn Đ1. Bị cáo H mang theo 400.000đ để đánh bạc, tham gia đặt tài xỉu mỗi bàn từ 20.000đ đến 50.000đ, đặt thua hết tiền đang đứng xem thì Công an bắt.

* Vật chứng thu giữ được trong vụ án:

+ 01 (một) tấm bạt có hai mặt, một mặt màu xanh, một mặt màu cam, trên mặt màu cam được chia làm hai phần, bên trái ghi chữ "X", có đánh số từ 5 đến 10, bên phải có ghi chữ "T", có đánh số từ 11 đến 16.

+ 01 (một) chiếc nắp nhựa màu đỏ, phía ngoài có quấn băng keo màu đen.

+ 01 (một) chiếc đĩa bằng sành màu trắng.

+ 03 (ba) hột xí ngầu hình lập phương, trên mỗi hột có nút từ 01 đến 06.

+ 02 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung GalaxyJ2 Prime, đã qua sử dụng

+ Tiền Việt Nam: 8.840.000đ (Tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu anh Phạm Quốc D một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime và 3.040.000đ; trả lại cho Phạm Thành Đ, Huỳnh Văn C mỗi người một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, Nguyễn Chí H một điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh. Do không liên quan đến vụ

án.

Bản Cáo trạng số 06/2018/CT-VKS-TH, ngày 22/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Phạm Quốc C, Phạm Thành Đ, Lê Trọng T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ2, Huỳnh Văn C, Nguyễn Chí H về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như đã viện dẫn nêu trên. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

*- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h,p khoản 1,2 Điều 46, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.*

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ

*- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.*

+ Xử phạt bị cáo Phạm Quốc C từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Thành Đ từ 06 đến 09 tháng tù.

*- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h,p khoản 1 Điều 46, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.*

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí H từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ

+Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ

+Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ2 từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ

+ Xử phạt bị cáo Lê Trọng T từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ

+Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ

**Về xử lý vật chứng***:* đề nghị áp dụng điểm b,c khoản 2 điều 106 BLTTHS

Xử: tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 5.800.000đ

Xử: tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tấm bạt có hai mặt, một mặt màu xanh, một mặt màu cam, trên mặt màu cam được chia làm hai phần, bên trái ghi chữ "X", có đánh số từ 5 đến 10, bên phải có ghi chữ "T", có đánh số từ 11 đến 16; 01 (một) chiếc nắp nhựa màu đỏ, phía ngoài có quấn băng keo màu đen; 01 (một) chiếc đĩa bằng sành màu trắng; 03 (ba) hột xí ngầu hình lập phương, trên mỗi hột có nút từ 01 đến 06.

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.130.000đ thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Quốc C; tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 70.000đ thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Văn Đ1.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát luận tội, các bị cáo nhận tội, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, biên bản bắt quả tang và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Vào lúc 22 giờ 40 phút ngày 16/11/2017 Công an huyện T, tỉnh Kiên Giang bắt quả tang tại nhà của bà Trần Thị S, ngụ ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang đang đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức lắc tài xỉu do Nguyễn Văn Đ1 là chồng của bà S cho các bị cáo Phạm Quốc C, Phạm Thành Đ, Lê Trọng T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ2, Huỳnh Văn C, Nguyễn Chí H vào đánh bạc để lấy tiền xâu. Mỗi ván ăn thua từ 20.000đ đến 200.000đ. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 5.800.000đ (Năm triệu tám trăm nghìn đồng). Do đó, các bị cáo đã phạm tội: "Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân T, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Phạm Quốc C, Phạm Thành Đ, Lê Trọng T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ2, Huỳnh Văn C, Nguyễn Chí H về tội "Đánh bạc" về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm vào lĩnh vực trật tự cộng đồng, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức được đánh bạc là hành vi vi phạm pháp luật, bởi đây là hình thức đánh bạc được ăn thua bằng tiền bị Nhà nước

nghiêm cấm, nó là một tệ nạn xã hội, và là một trong những nguyên nhân dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình, kiệt quệ kinh tế và dẫn đến các loại tội phạm khác, trong vụ án này đa phần các bị cáo đều có nghề nghiệp ổn định, nhưng không lo lao động chính đáng mà ngược lại vì vụ lợi mà các bị cáo tham gia sát phạt ăn thua bằng tiền một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc trong vụ án này là 5.800.000đ. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm là cần thiết, để giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời cũng nhằm ngăn ngừa chung loại tội phạm này trong xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án là đồng phạm giản đơn, không có người tổ chức, hành vi phạm tội tự phát, các bị cáo tự rủ nhau vào nhà bị cáo Đ1 để đánh bạc. Bị cáo Đ1 là người cung cấp dụng cụ đánh bạc và cho các bị cáo vào nhà để đánh bạc hai lần vào ngày 15, 16/11/2017 và lấy tiền xâu 1 lần với số tiền 70.000đ, lần thứ hai chưa lấy tiền xâu thì bị bắt. Bị cáo cũng thừa nhận có tham gia đánh bạc bằng hình thức đưa cho bị cáo Phạm Thành Đ 50.000đ hùn đánh bạc, bị cáo Phạm Thành Đ đặt 50.000đ chưa ăn thua thì bị Công an bắt quả tang. Bị cáo Phạm Quốc C với vai trò là người cầm cái lắc tài xỉu là người trực tiếp trả tiền xâu cho bị cáo Nguyễn Văn Đ1, bị cáo đã trực tiếp làm cái hai lần tại nhà bị cáo Nguyễn Văn Đ1 vào ngày 15.16/11/2017. Bị cáo Nguyễn Chí H, bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Văn Đ2 tham gia đánh bạc tại nhà bị cáo Nguyễn Văn Đ1 hai lần vào ngày 15, 16/11/2017. Bị cáo Lê Trọng T, bị cáo Huỳnh Văn C tham gia đánh bạc một lần tại nhà bị cáo Nguyễn Văn Đ1 thì bị bắt quả tang. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với từng hành vi phạm tội của mình.

[6] Xét về nhân thân: Trong vụ án này các bị cáo Nguyễn Chí H, bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ2, Phạm Quốc C và 1 số con bạc khác mà các bị cáo không nhớ tên khai nhận ngoài lần đánh bạc ngày 16/11/2017 thì các bị cáo còn tham gia đánh bạc vào ngày 15/11/2017 nhưng trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện T không chứng minh được số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là bao nhiêu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với các bị cáo. Tuy nhiên, lần đánh bạc ngày 15/11/2017 bị cáo Phạm Quốc C thu lợi bất chính số tiền 1.200.000đ, bị cáo đã đưa tiền xâu cho bị cáo Nguyễn Văn Đ1 70.000đ nên buộc hai bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính nói trên để sung vào công quỹ Nhà nước. Các bị cáo đều có nhân thân tốt. Riêng bị cáo Phạm Quốc **C** có nhân thân xấu, ngày 30/6/2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 03

năm tù về hành vi trộm cắp tài sản tại bản án số 18/2011/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích; bị cáo Phạm Thành **Đ**, ngày 09/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về hành vi đánh bạc tại bản án số 31/2013/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo: Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội ra đầu thú nên bị cáo Nguyễn Văn Đ1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Các bị cáo Huỳnh Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ2, Lê Trọng T, Nguyễn Chí H phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Bị cáo Phạm Quốc C, Phạm Thành Đ trong quá trình điều tra thành thật khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc trước khi lượng hình.

[8] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tấm bạt có hai mặt, một mặt màu xanh, một mặt màu cam, trên mặt màu cam được chia làm hai phần, bên trái ghi chữ "X", có đánh số từ 5 đến 10, bên phải có ghi chữ "T", có đánh số từ 11 đến 16; 01 (một) chiếc nắp nhựa màu đỏ, phía ngoài có quấn băng keo màu đen; 01 (một) chiếc đĩa bằng sành màu trắng; 03 (ba) hột xí ngầu hình lập phương, trên mỗi hột có nút từ 01 đến 06.

- Tiền Việt nam: 5.800.000đ, các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.130.000đ thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Quốc C; tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 70.000đ thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Văn Đ1.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu anh Phạm Quốc D một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime và 3.040.000đ; trả lại cho Phạm Thành Đ, Huỳnh Văn C mỗi người một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, Nguyễn Chí H một điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh. Do không liên quan đến vụ

án là phù hợp.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của Pháp luật là 200.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Phạm Quốc C, Phạm Thành Đ, Lê Trọng T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ2, Huỳnh Văn C, Nguyễn Chí H phạm tội: "Đánh bạc".

**1.1.** Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Quốc C 09 (chín) tháng tù**, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/11/2017 đến ngày 12/01/2018 là 01 (một) tháng 27 ngày. Thời hạn tù còn lại là 07 (bảy) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Thành Đ 07 (bảy) tháng tù**, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/11/2017 đến ngày 12/01/2018 là 01 (một) tháng 27 ngày. Thời hạn tù còn lại là 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

**1.2.** Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h,p khoản 1,2 Điều 46, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 10.000.000đ (Mười triệu đồng)

**1.3**. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí H 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ2 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)
- Xử phạt bị cáo Lê Trọng T 5.000.000đ (Năm triệu đồng)
- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C 5.000.000đ (Năm triệu đồng)

Buộc các bị cáo phải nộp đủ một lần kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

**2.** Về xử lý vật chứng*:* áp dụng điểm b, c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 5.800.000đ (Năm triệu tám trăm ngàn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tấm bạt có hai mặt, một mặt màu xanh, một mặt màu cam, trên mặt màu cam được chia làm hai phần, bên trái ghi chữ "X", có đánh số từ 5 đến 10, bên phải có ghi chữ "T", có đánh số từ 11 đến 16; 01 (một) chiếc nắp nhựa màu đỏ, phía ngoài có quấn băng keo màu đen; 01 (một) chiếc đĩa bằng sành màu trắng; 03 (ba) hột xí ngầu hình lập phương, trên mỗi hột có nút từ 01 đến 06.

- Buộc bị cáo Phạm Quốc C nộp số tiền 1.130.000đ, bị cáo Nguyễn Văn Đ1 nộp số tiền 70.000đ do hai bị cáo thu lợi bất chính, để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vật chứng trên, hiện Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số 05 ngày 22/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

**3.** Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Phạm Quốc C, Phạm Thành Đ, Lê Trọng T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ2, Huỳnh Văn C, Nguyễn Chí H phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)

**4.** Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện T;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;*
- *THA Dân sự, Hình sự ;*
- *Bị cáo, người TGTT;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**NGUYỄN VĂN CHIẾN**